TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2019
"Về việc ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lâm Tấn Đạt**.

2- Bà **Nguyễn Thị Ngọc Kim**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc: "Ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng A, (tên gọi khác Lê Hoài A) sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 nguyên đơn Chị Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và Anh Lê Hoàng A tự tìm hiểu và quen biết nhau rồi tiến tới kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương vào năm 2001 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường hay cự cải, anh A thường hay uống rượu, mỗi khi say về là vợ chồng cự cãi, anh A không quan tâm chăm sóc cho vợ con, đôi khi còn có những hành động bạo lực với chị nên chị và anh A đã ly thân với nhau khoảng 7 năm nay.

Chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu xin được ly hôn với anh Ân.

Về con chung: Có 02 đứa con tên Lê Hoàng T, sinh năm 08/10/2001 và Lê Hoàng H, sinh ngày 09/7/2003. Hiện các con đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị yêu cầu đươc nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Dtrình bày không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Lê Hoàng A, Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và Anh Lê Hoàng A vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

- Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dvà anh Ân

Về con chung: Giao các con tên Lê Hoàng T, sinh năm 08/10/2001 và Lê Hoàng H, sinh ngày 09/7/2003 cho chị Dnuôi dưỡng, chị Dkhông yêu cầu anh A cấp dưỡng nên không đề nghị xem xét

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Dtrình bày là không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với Anh Lê Hoàng A được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với Anh Lê Hoàng A.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và Anh Lê Hoàng A chúng sống với nhau từ năm 2001, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc và có được 02 người con chung nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên hôn nhân giữa chị Dvà anh A chưa được pháp luật thừa nhận.

Nay theo yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị D, HĐXX thấy rằng chị Dvà anh A chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị D và Anh Lê Hoàng A. Về con chung: Chị Dtrình bày vợ chồng có 02 đứa con tên Lê Hoàng T, sinh năm 08/10/2001 và Lê Hoàng H, sinh ngày 09/7/2003, theo các bản sao Giấy khai sinh do chị Dcung cấp. Hiện các con đang sống cùng với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy các con của chị có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị Dkhi vợ chồng ly hôn với nhau, do đó HĐXX nghĩ nên cần giao các con tên Lê Hoàng T, sinh năm 08/10/2001 và Lê Hoàng H, sinh ngày 09/7/2003 cho chị Dtiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị Dkhông yêu cầu anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị Dtrình bày là không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của chị Dmà không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Từ những nhận định trên, xét qaun điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số

0000840 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 3 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị D và Anh Lê Hoàng A (tên gọi khác Lê Hoài A).

2. Về con chung: Giao các con tên Lê Hoàng T, sinh năm 08/10/2001 và Lê Hoàng H, sinh ngày 09/7/2003 cho Chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Dvà anh A có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí sơ thẩm vụ án: Buộc Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0000840 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Dbáo cho Chị Nguyễn Thị D biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/6/2019). Đối với Anh Lê Hoàng A (Lê Hoài A) vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã Thạnh Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS,văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh